

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 22- 5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đăng Tuấn;

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh năm 1964, tại tỉnh T; nơi cư trú: thôn 1, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức N (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1940; bị cáo có vợ Nguyễn Thị S, sinh năm: 1968 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền sự: không; tiền án: tại Bản án số 02/HSST ngày 22/01/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt Phạm Văn H 14 năm tù về tội “Hiếp dâm” và “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 21/7/2010 (tính theo ngày chấp hành xong Bản án số 99/HSST ngày 20/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt chưa thi hành là 04 năm 06 tháng 25 ngày của bản án ngày 22/01/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, buộc phải chấp hành hình phạt 07 năm 06 tháng 25 ngày tù); Tại bản án số 01/2016/HSST ngày 21/01/2016, Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 16/02/2018;

Ngày 16/4/2020, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 06/2020/HS-ST.

Nhân thân: tại bản án số 99/HSST ngày 20/12/2002, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt

chưa thi hành là 04 năm 06 tháng 25 ngày của bản án số 02/HSST ngày 22/01/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, buộc phải chấp hành hình phạt 07 năm 06 tháng 25 ngày tù, chấp hành xong vào ngày 21/7/2010.

Bị cáo đang chấp hành bản án này theo quyết định thi hành án phạt tù số 13/2020/QĐ-CA của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị hại:**

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1964. Trú tại: Thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

2/ Bà Trịnh Thị L, sinh năm: 1959. Trú tại: Thôn 5, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Ông Huỳnh Cao K, sinh năm: 1986. Trú tại: Thôn 8, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Ông Phan Đình V, sinh năm: 1960. Trú tại: Thôn 8, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

5/ Ông Trần M, sinh năm: 1969. Trú tại: Xóm 3, thôn 5, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

6/ Ông Đặng Quốc T, sinh năm: 1966. Trú tại: Thôn 8, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

7/ Ông Trần Xuân T, sinh năm: 1954. Trú tại: Thôn 8, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

8/ Bà Đặng Thị M, sinh năm: 1970. Trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

9/ Ông Ngô V, sinh năm: 1977. Trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Phạm Phú N, sinh năm: 1981. Trú tại: Tổ 10, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2/ Ông Đinh Hữu Mạnh Hồng D, sinh năm: 1987. Trú tại: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

3/ Ông Trần Hữu T, sinh năm: 1964. Trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt.)

4/ Ông Vũ Văn L, sinh năm: 1987. Trú tại: Thôn 3, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

5/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1968. Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

6/ Ông Võ Văn N, sinh năm: 1982. Trú tại: Thôn 3, xã G1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

7/ Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm : 1980. Trú tại: Ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/7/2019 đến ngày 26/8/2019, Phạm Văn H đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Bình Thuận cụ thể như sau:

Vụ án thứ 1: Khoảng 06 giờ ngày 25/07/2019, ông Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển số 86Y1-1906 ra hồ sen gần bãi cát Xuân Trường thuộc cánh đồng thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Đến nơi ông H để xe trên đường kênh sát hàng cây keo và để chìa khóa trên xe rồi xuống hồ hái sen. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe mô tô và điều khiển xe chạy ra Căn cứ 6 về khu vực xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai bán xe mô tô cho 01 tiệm mua bán phế liệu bên đường với giá 500.000 đồng. Quá trình truy tìm Phạm Văn H không nhớ được cụ thể tiệm mua bán phế liệu đã vào bán xe mô tô trên nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được xe mô tô 86Y1-1906.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu TRAENCO biển số 86Y1-1906 trị giá 2.166.000 đồng.

Vụ án thứ 2: Khoảng 17 giờ ngày 27/07/2019, bà Trịnh Thị L điều khiển xe mô tô 86VA-0962 đến nhà thờ G, bà L để xe bên hông nhà thờ và để chìa khóa trên xe. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe mô tô và dắt ra khỏi nhà thờ nổ máy điều khiển xe chạy về hướng xã Đ, huyện T, khi đi đến tiệm sửa xe Honda của anh Nguyễn Văn B tại thôn 4, xã Đ, huyện T thì bị cáo H vào bán xe mô tô 86VA-0962, anh B không biết xe mô tô 86VA-0962 là do H trộm cắp mà có nên mua với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được xe xong B bán lại với giá 550.000 đồng cho một người mua bán phế liệu (không xác định được nhân thân lai lịch), nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được xe mô tô 86VA- 0962.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu HONDA biển số 86VA-0962 trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ án thứ 3: Khoảng 07 giờ ngày 01/08/2019, ông Huỳnh Cao K điều khiển xe mô tô 86K2-9996 đi ra khu vực ruộng thuộc thôn 7, xã G, huyện T để đắp bờ ruộng, ông K để xe mô tô trên bờ đê cách trạm bơm khoảng 100m và để chìa khóa trên xe. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe mô tô rồi nổ máy chạy đi ra hướng huyện X, tỉnh Đồng Nai. Khi chạy đến tiệm sửa xe Honda của anh Nguyễn Tiến T ở ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, bị cáo H vào hỏi bán xe 86K2-9996, anh T không biết xe mô tô 86K2-9996 là do bị cáo H trộm cắp mà có nên mua với giá 800.000 đồng; Qua quá trình xác minh Nguyễn Tiến T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra xe mô tô 86K2 -9996.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu AMA biển số 86K2-9996 trị giá 1.833.000 đồng.

Vụ án thứ 4: Trưa ngày 13/08/2019, ông Phan Đình V để xe mô tô biển số 86B7-188.09 trong sân nhà nghỉ “M” và để chìa khóa trên xe. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe mô tô 86B7-188.09 rồi điều khiển xe chạy về hướng xã G1, huyện T, khi đi đến tiệm mua bán phế liệu của anh Võ Văn N, sinh năm 1982 ở thôn 3, xã G1, huyện T thì bị cáo H vào hỏi bán xe biển số 86B7-188.09, anh N không biết xe mô tô 86B7-188.09 là do bị cáo H trộm cắp mà có nên mua với giá 1.000.000 đồng. Qua quá trình xác minh, anh Võ Văn N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra xe mô tô 86B7-188.09.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu HONDA biển số 86B7-188.09 trị giá 6.500.000 đồng.

Vụ án thứ 5: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 17/08/2019, ông Trần M điều khiển xe mô tô biển số 86K6 -9118 đi ra ruộng thuộc thôn 5, xã G, huyện T, ông M để xe trên bờ kênh và để chìa khóa trên xe rồi đi phun thuốc lúa. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe 86K6-9118 và chạy ra hướng căn cứ 6 rồi rẽ trái theo hướng Phan Thiết, khi chạy đến tiệm sửa xe “Honda H” của anh Vũ Văn L ở thôn 3, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, bị cáo Hóa vào hỏi bán xe biển số 86K6-9118, anh L không biết xe mô tô 86K6-9118 là do bị cáo H trộm cắp mà có nên mua với giá 600.000 đồng. Sau đó, anh L bán lại xe mô tô biển số 86K6-9118 với giá 650.000 đồng cho một người đi mua phế liệu dọc đường (không xác định được nhân thân lai lịch) nên Cơ quan CSĐT không thu hồi được xe mô tô 86K6-9118.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu LEVER biển số 86K6-9118 trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ án thứ 6: Khoảng 07 giờ ngày 21/08/2019, ông Đặng Quốc T điều khiển xe mô tô biển số 86K1-9404 đi ra đồng thuộc thôn 7, xã G, huyện T để phun thuốc lúa. Đến nơi, ông T để xe trên 01 cống xi măng và để chìa khóa trên xe. Sau đó, ông T đi bộ đến ruộng lúa cách chỗ để xe khoảng 300 mét để phun thuốc sâu cho lúa. Đến khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe 86K1-9404 rồi điều khiển xe chạy về hướng thị trấn L, huyện T, khi chạy đến tiệm mua bán phế liệu của anh Trần Hữu T ở Khu phố L, thị trấn L, huyện Tánh Linh, bị cáo Hóa vào hỏi bán xe biển số 86K1-9404, anh T không biết xe mô tô 86K1-9404 là do bị cáo H trộm cắp mà có nên mua với giá 500.000 đồng. Qua quá trình xác minh, anh Trần Hữu T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra xe mô tô 86K1-9404.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu HOLDER biển số 86K1-9404 trị giá 2.666.000 đồng.

Vụ án thứ 7: Khoảng 7 giờ ngày 23/08/2019, ông Trần Xuân T điều khiển xe mô tô biển số 86K1-7767 chở vợ đi đổ mủ cao su tại khu phố L 1, thị trấn L, khi đến rẫy ông T để xe mô tô sát đường mòn trong lô cao su cách đường nhựa khoảng 100 mét và để chìa khóa trên xe, rồi 2 vợ chồng đi đổ mủ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe 86K1-7767 rồi điều khiển xe chạy về hướng Căn cứ 6, Phạm Văn H chạy xe vào tiệm sửa xe “Honda Hùng Dương” của anh Đinh Hữu Mạnh Hồng D ở khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Bị cáo H vào hỏi bán xe biển số 86K1-7767, anh D không biết xe mô tô 86K1-7767 là do bị cáo H trộm cắp mà có nên mua với giá 600.000 đồng. Sau khi mua được xe mô tô 86K1 - 7767, anh D bán phế liệu cho một người đi mua phế liệu dọc đường (không xác định được nhân thân lai lịch), nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được xe mô tô 86K1 -7767.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu BOSS biển số 86K1-7767 trị giá 5.500.000 đồng.

Vụ án thứ 8: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 25/08/2019, bà Đặng Thị M điều khiển xe mô tô biển số 86B7-259.65 ra khu vực cầu S thuộc khu phố L 2, thị trấn L, huyện T lấy cá do chồng đánh bắt dưới sông để đem đi bán. Bà M dừng xe dưới chân cầu và để chìa khóa trên xe. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, Phạm Văn H lén lút lấy trộm xe biển số 86B7- 259.65 rồi dắt bộ xe ra đến đoạn cây xăng L Nhiên mở khóa, nổ máy điều khiển xe chạy ra hướng huyện X, tỉnh Đồng Nai; khi chạy đến tiệm sửa xe của Phạm Phú N ở ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Anh N không biết xe mô tô 86B7-259.65 là do bị cáo H trộm cắp mà có nên mua với giá 800.000 đồng. Qua quá trình xác minh, Phạm Phú N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra xe mô tô 86B7-259.65.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu WAYTHAI biển số 86B7-259.65 trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ án thứ 9: Khoảng 12 giờ ngày 26/8/2019, Phạm Văn H đi bộ theo đường nhựa vào thôn Đ, xã Đ để trộm cắp tài sản, khi đi qua nhà anh Ngô V ở Khu phố L, thị trấn L, huyện T thấy cửa cổng trước không khóa, trong sân nhà đang dựng 2 xe mô tô không có người trông coi, nên bị cáo H lén vào trong sân và lấy trộm xe mô tô 86K7- 3138 có chìa khóa để trên xe, Phạm Văn H lén lút lấy xe mô tô rồi dắt xe ra đường khởi động máy và điều khiển xe chạy ra hướng Căn cứ 6 đi về hướng huyện X, tỉnh Đ để tìm nơi tiêu thụ. Khi chạy đến tiệm sửa xe “Honda T” của anh Nguyễn Thanh T ở tại Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, bị cáo H chạy xe mô tô 86K7-3138 vào tiệm hỏi bán, trong lúc đang hỏi bán thì bị Công an xã X đến kiểm tra, tạm giữ xe mô tô 86K7-3138 đồng thời mời Phạm Văn H về Công an xã làm việc. Tại đây Phạm Văn H, đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô như đã nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô hiệu DAMSAN biển số 86K7-3138 trị giá 3.833.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

Ngày 30/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 02 ngày 30/12/2019, về việc trả lại 05 xe mô tô và 09 giấy đăng ký xe mô tô cho chủ sở hữu gồm:

+ Trả 01 xe mô tô biển số 86K7-3138 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86K7-3138 cho ông Ngô V;

+ Trả 01 xe mô tô biển số 86B7-259.65 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86B7-259.65 cho bà Đặng Thị M.

+ Trả 01 xe mô tô biển số 86K2-9996 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86K2-9996 cho ông Huỳnh Cao K.

+ Trả 01 xe mô tô 86B7-188.09 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86B7-188.09 cho ông Phan Đình V.

+ Trả 01 xe mô tô biển số 86K1-9404 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86K1-9404 cho ông Đặng Quốc T.

- Trả lại cho bà Trịnh Thị L 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86VA-0962.

- Trả lại cho ông Trần M 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86K6-9118.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn H 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86Y1-1906.

- Trả lại cho ông Trần Xuân T 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86K1-7767.

* Trách nhiệm dân sự:

Các bị hại: ông Ngô V, ông Huỳnh Cao K, ông Phan Đình V, ông Đặng Quốc T và bà Đặng Thị M sau khi nhận lại tài sản, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Các bị hại: ông Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị L, ông Trần M và ông Trần Xuân T không nhận lại được tài sản nên có yêu cầu Phạm Văn H phải bồi thường theo giá trị đã định giá ngày 12/12/2019, cụ thể: ông Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường 2.166.000 đồng; bà Trịnh Thị L yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng; ông Trần M yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng; ông Trần Xuân T yêu cầu bồi thường 5.500.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Phú N, Nguyễn Tiến T, Võ Văn N, Nguyễn Văn B, Vũ Văn L, Trần Hữu T không yêu cầu Phạm Văn H bồi thường thiệt hại đối với số tiền đã dùng mua xe mô tô do Phạm Văn H bán.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSND-TL ngày 06/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Phạm Văn H, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H như nội dung cáo trạng, khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H, mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Ngô V, ông Huỳnh Cao K, ông Phan Đình V, ông Đặng Quốc T và bà Đặng Thị M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 2.166.000 đồng; bà Trịnh Thị L 2.000.000 đồng; ông Trần M 2.000.000 đồng và ông Trần Xuân T 5.500.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Ngày 30/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 02 ngày 30/12/2019, về việc trả lại 05 xe mô tô và 09 giấy đăng ký xe mô tô cho các bị hại.

* Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa những người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, một số người bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra; căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về xác định hành vi phạm tội:

Tại tòa, bị cáo Phạm Văn H thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Xét, lời khai này của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 25/7/2019 đến ngày 26/8/2019, bị cáo Phạm Văn H đã hành vi lén lút trộm cắp 09 chiếc xe mô tô trên địa bàn huyện T, tỉnh Bình Thuận với mục đích bán lấy tiền để tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phạm Văn H chiếm đoạt trong 09 lần trộm cắp theo kết quả định giá là 28.498.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận sau khi chấp hành xong hình phạt tù của những bản án trước bị cáo trở về địa phương không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên xảy ra mâu thuẫn với gia đình. Từ đó bị cáo thường xuyên đi lang thang quan sát tìm kiếm có tài sản sơ hở là lấy trộm bán để lấy tiền tiêu xài cho cá nhân, khoản tiền thu được từ các lần trộm cắp là nguồn thu nhập, nguồn sống chính của bị cáo. Hơn nữa, bị cáo Phạm Văn H từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo bản án số 01/2016/HSST ngày 21/01/2016), áp dụng tình tiết “tái phạm”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần này phạm tội này của bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “có tính chất chuyên nghiệp” và “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Mặt khác, vào ngày 16/4/2020, bị cáo H cũng bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng 02 tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Phạm Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với tuổi đời đã trưởng thành, đã có vợ con, có đầy đủ sức khỏe, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn lương thiện, để trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình - xã hội mà bị cáo với bản tính tham lam, lười biếng, chây ỳ lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện việc trộm cắp tài sản, nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Mặt khác, bị cáo có nhân thân rất xấu, từng bị các Tòa án nhân dân xử phạt nhiều tội danh khác nhau, trong đó có xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” và từng phải chấp hành hình phạt tù để cải tạo giáo dục nhiều năm nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân tự tu dưỡng rèn luyện bản thân sống chấp hành pháp luật, tích cực lao động để trở thành người công dân sống có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục sa vào con đường phạm tội, coi thường pháp luật, sử dụng tài sản của người khác làm nguồn sống cho mình. Do đó cần phải áp dụng đối với bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật

hình sự, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo thực hiện 09 lần hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T trong khoảng thời gian từ ngày từ ngày 25/7/2019 đến ngày 26/8/2019, mỗi lần trộm cắp tài sản của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- *Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy hiện tại bị cáo Phạm Văn H đang chấp hành hình phạt 04(bốn) năm tù của bản án số 06/2020/HSST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo quyết định thi hành án số 13/2020/QĐ-CA ngày 18/5/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đ nên cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án số 06/2020/HSST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Riêng đối với hành vi của Phạm Phú N, Nguyễn Tiến T, Võ Văn N, Nguyễn Văn B, Vũ Văn L và Trần Hữu T mua xe mô tô của Phạm Văn H bán nhưng không biết tài sản do Phạm Văn H bán là do phạm tội mà có, do đó hành vi của Phạm Phú N, Nguyễn Tiến T, Võ Văn N, Nguyễn Văn B, Vũ Văn L và Trần Hữu T không bị cơ quan Cảnh sát điều tra truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Ở giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý và trả toàn bộ vật chứng cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nữa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại ông Ngô V, bà Đặng Thị M, ông Đặng Quốc T, ông Phan Đình V, ông Huỳnh Cao K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo Phạm Văn H bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa người bị hại Trần M mặc dù chưa nhận lại được tài sản nhưng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

Những người bị hại ông Trần Xuân T yêu cầu bồi thường 5.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường 2.166.000 đồng; và bà Trịnh Thị L yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng chấp nhận bồi thường cho các bị hại. Xét thấy, những thiệt hại mà các bị hại chịu là do bị cáo gây ra, các yêu cầu của bị hại là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên buộc bị cáo phải bồi thường

cho các bị hại là phù hợp với quy định tại các điều 584 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Phú N, Nguyễn Tiến T, Võ Văn N, Nguyễn Văn B, Vũ Văn L và Trần Hữu T không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã mua những chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm tù.

Căn cứ vào điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 04 (bốn) năm tù của bản án số 06/2020/HSST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 30/9/2020.

**/Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 357, 468, 584, 585, 586 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường cho ông Trần Xuân T 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 2.166.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng); bồi thường cho bà Trịnh Thị L 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**/ Về án phí:* Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 483.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

* Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/5/2020).

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

(Đã giải thích quyền kháng cáo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi BC cư trú;
- Lưu HS – Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận